

Unit 11

BOOKS

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

- **Đọc:**

- Đọc hiểu đoạn văn luyện tập kỹ năng dựa vào ngữ cảnh đoán nghĩa từ và cụm từ.

- **Nói:**

- Hỏi đáp về thói quen đọc sách và về nhân vật trong cuốn sách đang đọc.

- **Nghe:**

- Nghe hiểu một đoạn độc thoại về cuốn sách một người vừa mới đọc.

- **Viết:**

- Viết báo cáo về một cuốn sách

2. Trọng tâm ngôn ngữ

- **Phát âm:** Luyện nhịp điệu của câu.

- **Ngữ pháp và từ vựng:**

- Bị động với động từ tình thái.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy và băng cát xét.

- Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

A. READING

Before you read

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế, gây hứng thú cho HS đối với chủ đề của bài đọc và lôi cuốn họ tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp.

- Cả lớp nhìn vào các bức tranh và trả lời nhanh các câu hỏi:
 - + *What are these people doing?*
 - + *Where are they?*
- Theo cặp: HS cùng đọc và trả lời các câu hỏi. GV nêu nhiệm vụ của bài tập. Để HS thảo luận tự do, GV không cần nói HS đúng hay sai mà chỉ giúp đỡ nếu HS quên nghĩa từ hoặc phát âm sai.

While you read

Hoạt động này nhằm luyện tập kỹ năng đoán nghĩa từ/cụm từ mới dựa vào ngữ cảnh và khả năng đọc hiểu các chi tiết trong bài đọc.

- Cá nhân: HS đọc thầm. Nhắc HS đọc liên tục từ đầu đến hết bài, khi gặp từ hoặc cụm từ mới đọc lui lại trước đó một câu và đọc tiếp sau đó một câu, cố gắng hiểu được ý nghĩa cơ bản của từ/cụm từ mới đó. Trong khi đọc HS chuẩn bị thực hiện những nhiệm vụ sau khi đọc.

Task 1. (Trang 120)

Tìm nghĩa của những từ hoặc cụm từ. Hướng dẫn HS dựa vào một số từ, ý trong câu để làm mạnh mối đoán nghĩa của từ cần tìm sau đó viết nghĩa của từ bằng tiếng Việt vào bên cạnh.

- Cá nhân: Yêu cầu HS đọc bài một lượt, sau đó làm bài tập.
- Theo cặp/nhóm: Khi thấy hầu hết HS đã làm xong, chia cặp hoặc nhóm, yêu cầu HS so sánh các câu trả lời.
- Kiểm tra câu trả lời của HS (có thể để HS đọc to câu trả lời, hoặc có thể viết các số lên bảng rồi gọi từng nhóm lên viết đáp án của mình vào bên cạnh, sau đó cùng cả lớp kiểm tra xem nhóm nào trả lời đúng nhất).

ĐÁP ÁN

1. nuốt chửng (đọc ngón ngấu)
2. chấm vào (đọc qua loa)

5. tiêu hoá (đọc và suy ngẫm)
6. nhai (nghiên ngẫm)

3. *ném (đọc thử, qua loa)*

7. *không thể đặt xuống*

4. *không thể đọc lại lần nữa /*

không thể đọc tiếp được nữa.

Task 2. (Trang 120)

Đọc hiểu đoạn văn. Hướng dẫn HS cách đọc trước các câu để xác định các thông tin đúng hay sai.

- Cá nhân: Đọc và trả lời các câu hỏi.
- Theo cặp: HS so sánh câu trả lời.
- Cả lớp: Lần lượt gọi một số HS lên trả lời các câu hỏi, cả lớp lắng nghe và nhận xét đúng hay sai.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
NM	F	NM	T	F

Task 3. (Trang 120)

Đọc hiểu đoạn văn và trả lời các câu hỏi. Hướng dẫn HS đọc và chú ý các thông tin quan trọng trong câu hỏi.

- Cá nhân: đọc và trả lời các câu hỏi.
- Theo cặp: HS so sánh câu trả lời.
- Cả lớp: lần lượt gọi một số HS lên trả lời các câu hỏi, cả lớp lắng nghe và nhận xét đúng hay sai.

ĐÁP ÁN

1. *Three.*
2. *When you find a good story and have time to enjoy it.*
3. *Read a few pages to see if it's the one you can easily read and understand./ Check that it is not too difficult.*
4. *Television can bring you all the information and stories with colour picture and action.*
5. *Books are still a cheap way to get information and entertainment; you can keep a book forever and read it many times.*

After you read

- Theo cặp hoặc nhóm: hướng dẫn HS tìm tên các loại sách trong ô chữ.

ĐÁP ÁN

a. thriller *b. romance* *c. novel* *d. science*
e. craft *f. Fiction* *g. comic* *h. biography*

• Bài tập về nhà:

- Học thuộc các từ mới và đặt câu với chúng.
- Tóm tắt bài đọc, ghi nhớ tên các loại sách bằng tiếng Anh.

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 122)

Theo cặp, luyện các câu hỏi về thói quen đọc sách. Nếu lớp HS yếu, GV cần giúp các em tìm ra những từ chính trong câu trả lời để dựa vào đó mà đặt câu hỏi.

- Cả lớp: Kiểm tra đáp án của HS, viết đáp án đúng lên bảng, nhấn mạnh những điểm cần lưu ý trong khi đặt câu hỏi.

ĐÁP ÁN

A – What sort of books do you like to read?

A – How do you often read books?

A – When do you often read books?

- Theo cặp: Tập đọc kĩ bài hội thoại sau khi đã điền đủ câu hỏi. Sau ít phút có thể gọi một vài cặp lên đóng lại bài hội thoại mà không nhìn vào sách.

Task 2. (Trang 122)

- Theo cặp: Dựa vào mẫu hội thoại ở Task 1, HS hỏi và đáp về thói quen đọc sách của nhau. GV đi quanh, giúp đỡ và nhắc nhở HS chú ý làm bài tập, không sử dụng tiếng Việt khi luyện tập.

Task 3 và Task 4. (Trang 122) làm tương tự như với task 1 & 2.

ĐÁP ÁN

- *What are you reading at the moment?*
- *Who is the main character?*
- *What is he like?*

Task 5 (Trang 122).

Chọn một vài nhóm lên báo cáo trước lớp về kết quả của các đoạn hội thoại.

C. LISTENING

Before you listen

Hoạt động này nhằm giới thiệu chủ đề và dẫn dắt HS vào bài nghe.

- Theo cặp: thảo luận các thông tin về một cuốn sách hay mà bạn muốn biết và các câu hỏi để tìm được các thông tin đó. Gợi ý nếu HS gặp khó khăn: *title of the book, author, main character, the plot, v.v.*
- Bất bãng hoặc đọc các từ cho HS nhắc lại, lưu ý trọng âm các từ. Giải thích nhanh nghĩa từ và cách sử dụng các từ đó.

While you listen

Hoạt động này luyện tập khả năng nghe và nắm được một số thông tin chi tiết cho HS.

Task 1. (Trang 123)

- Giới thiệu qua tình huống của bài nghe.
- Cá nhân: HS đọc nhanh các câu của bài tập. Giúp đỡ nếu HS có khó khăn về nghĩa của từ hoặc câu.
- Nói rõ yêu cầu bài tập.
- Bất bãng hoặc đọc rõ từng đoạn văn (một hoặc hai lần).
- Cá nhân: HS làm bài tập.
- Theo cặp: HS so sánh câu trả lời. GV đi quanh để nắm được mức độ trả lời đúng của HS. Nếu thấy sai nhiều thì cho HS nghe lại một lần nữa.
- Kiểm tra câu trả lời. Cho các cặp HS thi đua bằng cách cùng lên bảng viết câu trả lời đúng.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
B	C	B	A	A

Tapescript

*I recently read *The Incredible Journey* by Sheila Burnford, a book about three animal friends who travel across the Canadian wilderness looking for their owners. It is a fascinating story that describes some of the incredible things animals can do.*

When a Canadian family goes to England for a long trip, they leave their three pets with a friend who lives 300 miles away. Though well treated by the friend, the pets miss their family. One day, they are able to leave the friend's house unnoticed and begin the long journey to find their owners. The central theme of the book, a problem the animals must resolve, is how to survive life in the wilderness in order to arrive home. They never could have completed the journey alone, but they take care of one another, and all the three make it and are reunited with their owners.

Each animal has a distinct personality, but they care for one another almost as if they were a family. The most impressive of them is the old dog. The journey was the most difficult for him, but amazingly he found the strength to make it.

The author didn't try to turn the animals into people, speaking and acting like humans. Instead, she was faithful to her characters as animals and showed us their journey through animal eyes. That made the book interesting and unbelievable.

I would recommend the book to anyone who likes animals. I think that anyone who has ever had a pet or wanted one would enjoy it.

Task 2. (Trang 124)

- Cá nhân: Hướng dẫn HS đọc nhanh đoạn văn vẫn còn các chỗ trống và cố gắng đoán xem các từ cần điền là gì (từ loại, nghĩa của từ, v.v.).
- Bất bằng, HS nghe lại và điền các từ thiếu vào bài. Nếu khó, hướng dẫn, gợi ý cho HS cố gắng đoán các từ cần điền dựa vào ý của câu và sau đó cho nghe lại lần nữa.
- Theo cặp: So sánh câu trả lời. GV đi quanh, giám sát, giúp đỡ nếu cần. Nếu thấy HS sai nhiều, cho nghe lại một lần nữa.

- Kiểm tra kết quả: HS trong từng nhóm lần lượt lên viết các từ lên bảng, hoặc đọc to các câu trả lời. Nhóm nào xong trước và chính xác nhất được khen ngợi. Chú ý đến chính tả của các từ.

ĐÁP ÁN

1. *family*
2. *strength*
3. *humans*
4. *journey*
5. *pet*

After you listen

Theo cặp/ nhóm: Thảo luận câu hỏi của bài. Hướng dẫn HS giải thích và bảo vệ quan điểm của mình.

Ví dụ: I'd like to read the book because I like animals./ I want to know about animals' life.

D. WRITING

Task 1 (Trang 124)

- Theo cặp: HS cùng nhau đọc và ghép các câu vào vị trí đúng.
- GV đi quanh để giúp đỡ khi HS gặp khó khăn về từ ngữ.

ĐÁP ÁN

General introduction: 7, 4, 9

Summary of the book's content: 2, 5, 6, 8

Conclusion: 1, 3

Task 2. (Trang 125)

- Thảo luận theo nhóm các câu hỏi được đưa ra về cuốn sách.
- Ghi chép các ý kiến cho bài viết sau.

Task 3. (Trang 125)

- Cá nhân: HS viết nháp, GV nhắc lại yêu cầu bài viết. GV đi quanh, giúp đỡ nếu cần.

- Chữa bài chéo (cross checking): HS đổi bài cho nhau. Đưa ra một số tiêu chí như cấu trúc bài viết, lỗi chính tả, ngữ pháp, các ý trong bài, v.v. và hướng dẫn HS cách chữa bài cho nhau.
- Nếu còn thời gian cho HS viết lại dựa theo các phần sửa lỗi.
- GV nhận xét chung và chữa các lỗi phổ biến, điển hình trước lớp. Lưu ý: (như phần chữa lỗi bài nói)

E. LANGUAGE FOCUS

Pronunciation

- **Listen and practise reading the following sentences.**
 - + Đọc mẫu hoặc bật băng. HS im lặng lắng nghe.
 - + Đọc lần thứ hai cho HS nhắc lại từng câu. Chú ý: Nếu cần, viết các câu này lên bảng và đánh dấu trọng âm chính vào các từ trong câu để HS dễ theo dõi hơn.
 - + Luyện nhận biết nhịp điệu: viết lên bảng nhịp điệu của các câu. Có thể dùng cách đập nhịp để HS thấy rõ nhịp điệu. Có thể gọi một vài HS khá, giỏi đọc để cả lớp nhận biết nhịp điệu.
- **Mark the primary stress over the main stress syllables, then practise reading the sentences.**
 - + Yêu cầu HS đọc các câu và tự đánh dấu trọng âm.
 - + Đọc mẫu một hoặc hai lượt. Cho HS lắng nghe và kiểm tra xem phần đánh dấu trọng âm của mình có đúng không.
 - + Theo cặp: Yêu cầu HS thực hành đọc các câu trong cặp. Đi quanh giúp đỡ khi cần thiết.

Grammar

Exercise 1. (Trang 126)

- + Ôn nhanh lại cách sử dụng thể bị động, hướng dẫn cách dùng bị động với các động từ khuyết thiếu.

- + Cá nhân: Yêu cầu HS làm bài cá nhân. Viết vào vở bài tập.
- + Theo cặp: Sau khi HS làm bài cá nhân, yêu cầu chia cặp hoặc nhóm để các em so sánh và thảo luận kết quả bài làm với nhau.

ĐÁP ÁN

1. *This machine mustn't be used after 5.30 p.m.*
2. *This machine must be cleaned every time it is used.*
3. *The flowers should be kept in a warm sunny place.*
4. *Your bill should be paid before you leave the hotel.*
5. *The information should be given to us now.*
6. *Toothpaste can be bought at the drug store.*
7. *Children should be warned not to speak to strangers.*
8. *The mystery can't be solved.*
9. *Travellers' cheques can be exchanged at most banks.*
10. *The news shouldn't be told to her. She might be killed by it.*

Exercise 2. (Trang 127)

- + Ôn lại cách dùng bị động.
- + Cá nhân: Yêu cầu HS làm bài cá nhân. Viết vào vở bài tập.
- + Theo cặp: Sau khi HS làm bài cá nhân, yêu cầu chia cặp hoặc nhóm để HS so sánh và thảo luận kết quả bài làm với nhau.

ĐÁP ÁN

1. *will be prepared*
2. *Is food going to be cooked....?*
3. *will be pre-packaged*
4. *can be warmed*
5. *should food be chosen... ?*
6. *has to be offered*
7. *could be selected*
8. *ought to be made*